

PHỤ LỤC 02

Dự kiến kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nhân ngày lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Quốc khánh 02/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán hàng năm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Đính kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Tổng nhu cầu sau khi tỉnh Khánh Hòa hợp nhất	Kinh phí đang thực hiện Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trước đây				Nhu cầu kinh phí tăng thêm áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Ninh Thuận trước đây			
			số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>364.620.050</b>				<b>242.217.100</b>				<b>122.402.950</b>
<b>A</b>	<b>Đối tượng cán bộ, công chức viên chức và hợp đồng lao động</b>	<b>197.815.650</b>				<b>127.802.400</b>				<b>70.013.250</b>
<b>1</b>	<b>Chế độ nhân dịp lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Quốc khánh 02/9, Tết Dương lịch</b>	<b>106.464.000</b>	<b>45.485</b>	<b>5</b>	<b>300</b>	<b>68.227.500</b>	<b>25.491</b>	<b>5</b>	<b>300</b>	<b>38.236.500</b>
	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan do địa phương quản lý (bao gồm cán bộ, công chức cấp xã); hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ	71.728.500	31.647	5	300	47.470.500	16.172	5	300	24.258.000
	- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, tri thức trẻ tăng cường về xã, phường, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	8.965.500	4.658	5	300	6.987.000	1.319	5	300	1.978.500
	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị Trung ương quản lý có đóng góp trực tiếp cho địa phương	25.770.000	9.180	5	300	13.770.000	8.000	5	300	12.000.000
<b>2</b>	<b>Chế độ chi nhân dịp Tết Nguyên đán</b>	<b>91.351.650</b>				<b>59.574.900</b>				<b>31.776.750</b>
	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan do địa phương quản lý (bao gồm cán bộ, công chức cấp xã); hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ	71.728.500	31.647		1.500	47.470.500	16.172		1.500	24.258.000
	- Công nhân trực tiếp thu dọn rác làm việc ở Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang	1.459.500	973		1.500	1.459.500				
	- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã; tri thức trẻ tăng cường về xã, phường; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; dân quân trực chiến ở xã, phường	5.178.000	4.804		750	3.603.000	2.100		750	1.575.000
	- Dân quân thường trực ở xã, phường	748.500	653		750	489.750	345		750	258.750
	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị Trung ương quản lý có đóng góp trực tiếp cho địa phương theo mức 1	11.496.750	8.229		750	6.171.750	7.100		750	5.325.000
	- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị Trung ương quản lý có đóng góp trực tiếp cho địa phương theo mức 2	740.400	951		400	380.400	900		400	360.000

Stt	Nội dung	Tổng nhu cầu sau khi tỉnh Khánh Hòa hợp nhất	Kinh phí đang thực hiện Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trước đây				Nhu cầu kinh phí tăng thêm áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Ninh Thuận trước đây			
			số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)
<b>B</b>	<b>Đối tượng chế độ, chính sách khác</b>	<b>166.804.400</b>				<b>114.414.700</b>				<b>52.389.700</b>
<b>1</b>	<b>Chế độ nhân dịp lễ Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Quốc khánh 02/9, Tết Dương lịch</b>	<b>108.648.000</b>	<b>50.432</b>	<b>5</b>	<b>300</b>	<b>75.648.000</b>	<b>22.000</b>	<b>5</b>	<b>300</b>	<b>33.000.000</b>
	- Bà mẹ Việt Nam anh hùng	25.500	13	5	300	19.500	4	5	300	6.000
	- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	7.500	4	5	300	6.000	1	5	300	1.500
	- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	30.000	5	5	300	7.500	15	5	300	22.500
	- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	12.000	7	5	300	10.500	1	5	300	1.500
	- Thân nhân đang trực tiếp thờ cúng liệt sĩ	12.940.500	4.314	5	300	6.471.000	4.313	5	300	6.469.500
	- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh loại B) có tỷ lệ thương tật từ 21% trở lên, Bệnh binh bị mất sức lao động từ 41% trở lên;	7.473.000	3.673	5	300	5.509.500	1.309	5	300	1.963.500
	- Người có công giúp đỡ cách mạng;	673.500	413	5	300	619.500	36	5	300	54.000
	- Thân nhân thờ cúng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;	2.001.000	814	5	300	1.221.000	520	5	300	780.000
	- Thân nhân người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Thân nhân người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thân nhân Thương binh, Bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng	5.691.000	3.296	5	300	4.944.000	498	5	300	747.000
	- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	2.013.000	1.175	5	300	1.762.500	167	5	300	250.500
	- Các đối tượng đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả	75.988.500	36.020	5	300	54.030.000	14.639	5	300	21.958.500
	- Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.440.000	629	5	300	943.500	331	5	300	496.500
	- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	352.500	69	5	300	103.500	166	5	300	249.000
<b>2</b>	<b>Chế độ chi nhân dịp Tết Nguyên đán</b>	<b>57.354.900</b>				<b>38.365.200</b>	<b>35.555</b>			<b>18.989.700</b>

Stt	Nội dung	Tổng nhu cầu sau khi tỉnh Khánh Hòa hợp nhất	Kinh phí đang thực hiện Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trước đây				Nhu cầu kinh phí tăng thêm áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Ninh Thuận trước đây			
			số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)
	- Bà mẹ Việt Nam anh hùng	22.100	13		1.300	16.900	4		1.300	5.200
	- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	6.500	4		1.300	5.200	1		1.300	1.300
	- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	26.000	5		1.300	6.500	15		1.300	19.500
	- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	10.400	7		1.300	9.100	1		1.300	1.300
	- Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1.248.000	629		1.300	817.700	331		1.300	430.300
	- Các đồng chí nguyên là lãnh đạo chủ chốt của tỉnh: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;	245.700	99		1.300	128.700	90		1.300	117.000
	- Các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy 02 huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn	22.100	17		1.300	22.100			1.300	0
	- Đại diện gia đình là cha (mẹ), chồng (vợ) hoặc con trực tiếp thờ cúng các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên từ trần;	87.100	32		1.300	41.600	35		1.300	45.500
	- Thân nhân đang trực tiếp thờ cúng liệt sĩ;	5.176.200	4.314		600	2.588.400	4.313		600	2.587.800
	- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh loại B) có tỷ lệ thương tật từ 21% trở lên, Bệnh binh bị mất sức lao động từ 41% trở lên;	2.989.200	3.673		600	2.203.800	1.309		600	785.400
	- Người có công giúp đỡ cách mạng;	269.400	413		600	247.800	36		600	21.600
	- Thân nhân thờ cúng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;	800.400	814		600	488.400	520		600	312.000
	- Thân nhân người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Thân nhân người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thân nhân Thương binh, Bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng	2.276.400	3.296		600	1.977.600	498		600	298.800
	- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	805.200	1.175		600	705.000	167		600	100.200

Stt	Nội dung	Tổng nhu cầu sau khi tỉnh Khánh Hòa hợp nhất	Kinh phí đang thực hiện Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trước đây				Nhu cầu kinh phí tăng thêm áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Ninh Thuận trước đây			
			số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	số lượng đối tượng	Số ngày lễ được hỗ trợ	Mức chi theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/người/ngày)	Số tiền (nghìn đồng)
	- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên	141.000	69		600	41.400	166		600	99.600
	- Gia đình cơ sở cách mạng tiêu biểu, già yếu, đời sống khó khăn không thuộc diện hưởng trợ cấp hàng tháng	312.600	497		600	298.200	24		600	14.400
	- Các đối tượng đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả	30.395.400	36.020		600	21.612.000	14.639		600	8.783.400
	- Cán bộ xã già yếu nghỉ việc (theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng).	26.400	24		600	14.400	20		600	12.000
	- Hội viên Hội Người mù	438.000	1.095		400	438.000	0		400	0
	- Hộ nghèo	4.683.600	6.822		400	2.728.800	4.887		400	1.954.800
	- Người có tuổi thọ từ 100 tuổi trở lên	736.000	1.760		400	704.000	80		400	32.000
	- Người khuyết tật thân kinh, tâm thần và người khuyết tật trí tuệ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	5.549.600	6.364		400	2.545.600	7.510		400	3.004.000
	- Hỗ trợ quà tết cho trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	8.400	20		400	8.000	1		400	400
	- Cộng tác viên công tác xã hội	52.400	106		400	42.400	25		400	10.000
	- Nhân viên Y tế thôn, bản	365.600	712		400	284.800	202		400	80.800
	-Hỗ trợ tiền ăn thêm trong bốn (04) ngày Tết cho các đối tượng xã hội đang nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở theo mức 100.000 đồng/người/ngày, gồm các cơ sở: Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc người có công Khánh Hòa; các cơ sở trợ giúp xã hội công lập; các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập; Cơ sở cai nghiện ma túy; Làng Trẻ em SOS Nha Trang	661.200	972		400	388.800	681		400	272.400
3	Chế độ thăm chúc Tết Nguyên đán động viên một số gia đình chính sách tiêu biểu, các cơ quan Trung ương, đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn tỉnh và Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc người có công tỉnh	801.500				401.500				400.000